

Bản án số: 01 /2020/HS-ST
Ngày: 13/01/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐL, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Xuân Gụ và Ông A Vẹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy An - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Kon Tum, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/HSST - QĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Th, sinh năm 1987 tại Kon Tum; Nơi đăng ký NKTT Thôn ĐG 1, xã Đ.Ang, huyện N.H, tỉnh Kon Tum. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Xơ đăng; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt nam; Con ông A Khao và bà Y Đấy; có vợ là Y Glanh, sinh năm 1985, có 02 con. Con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012

Tiền sự: Không;

Tiền án: Có 03 tiền án:

- Ngày 14/7/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Đ.T xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Chấp hành xong hình phạt ngày 04/01/2018, đã nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và án phí dân sự 400.000đ theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0006428; 0006429 ngày 13/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.T.

- Ngày 20/9/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Đ.T xử phạt 08 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm

2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Chấp hành xong hình phạt ngày 02/02/2019 đã nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ và án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0001353 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.T.

- Ngày 19/11/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Đ.T xử phạt 10 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Hiện bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum theo quyết định thi hành án phạt tù số 24/2019/QĐ-CA, ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ.T. Về án phí hình sự, án phí dân sự và trách nhiệm bồi thường trong Quyết định của bản án số: 14/2019/HSST ngày 19/11/2019 bị cáo chưa thi hành.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị hại:** Ông C, sinh năm 1924; địa chỉ: Thôn Đăk Tum, xã Đăk Môn, huyện ĐL, tỉnh Kon Tum - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Bàn Văn Chiến. Trú tại: thôn Kon Liêm, xã Xốp, huyện Đ.L, tỉnh Kon Tum - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

* **Người làm chứng :** Anh A Nu. Trú tại thôn Kon Liêm, xã Xốp, huyện Đ.L, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

Bà Y Leo. Trú tại Thôn Đăk Tum, xã Đăk Môn, huyện ĐL, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 22/6/2019 Ông C, cùng vợ là Bà Lđiều khiển xe Mô tô Biển kiểm soát 82N1- 08178 hiệu Yamaha Sirius đi từ Thôn Đăk Tum, xã Đăk Môn, huyện ĐL, tỉnh Kon Tum đến Thị Trấn Đ.L, khi đi đến thôn Đăk Chung, Thị Trấn Đ.L thì gặp Th. Sau khi nói chuyện với Th, Ông C biết được ông có quen biết ông A Khao là bố đẻ của Th nên cho Th ngồi cùng xe đến nhà ông A Nôi ở thôn Đăk Dung, Thị Trấn Đ.L và cùng uống rượu tại đây. Trong lúc uống rượu Th nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của ông C, sau khi uống rượu xong Th mượn xe mô tô của ông C và nói là đi mượn tiền một chút rồi về. Vì tin tưởng Th nên ông C đồng ý cho Th mượn xe. Mượn được xe Th điều khiển xe mô tô chạy đến nhà anh A Nu tại thôn Kon Liêm, xã Xốp, huyện Đ.L, tỉnh Kon Tum và ngủ lại một đêm. Tại nhà A Nu, Th nhờ A Nu tìm người mua xe, do không biết xe mô tô do Th phạm tội mà có nên A Nu đã đến nhà ông C cùng thôn giới thiệu cho anh Chiến mua xe. Sau khi anh Chiến xem xe xong, anh Chiến đồng ý mua xe với giá 3.000.000(Ba triệu đồng) và có viết một giấy mua bán xe, Th hẹn sẽ mang giấy tờ xe giao cho anh Chiến, tin tưởng chiếc xe này là của Th nên anh Chiến đã giao tiền và nhận xe. Ông C không

thấy Th về trả xe nên đã đón xe khách về nhà. Sau đó làm đơn tố cáo gửi cơ quan công an huyện Đ.L, tỉnh Kon Tum giải quyết.

Theo kết luận định giá số 04/KL Ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện ĐăkGlei xe mô tô mà Th chiếm đoạt có trị giá là 11.100.000đ (Mười một triệu một trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số 07/CT - VKS ngày 21/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL truy tố bị cáo Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù. Buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho anh Csố tiền 3.000.000(Ba triệu đồng). Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện ĐL, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo không có ý kiến gì và cũng không khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện: Ngày 22/6/2019 bị cáo mượn xe mô tô của Ông C nói là đi mượn tiền. Tuy nhiên, sau khi mượn được xe mô tô bị cáo không đi mượn tiền, mà đem xe đến thôn Kon Liêm, xã Xốp, huyện Đ.L, tỉnh Kon Tum bán cho anh Cláy 3.000.000đ(Ba triệu đồng) để tiêu xài cá nhân.

Kết luận định giá tài sản số 04/KL - ĐGTS ngày 03/9/2019 xác định giá trị chiếc xe mô tô BKS 82N1 – 08178 mà bị cáo đã chiếm đoạt là 11.100.000đ (Mười một triệu một trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với nội dung vụ án mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL đã truy tố.

[3] Bị cáo hiện có 03 tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô của Ông C trị giá 11.100.000đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo hiện có 03 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản, sau khi ra tù bị cáo không tích cực tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, do vậy cần phải xử lý nghiêm minh, buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận tội; bản thân bị cáo có bố, mẹ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương hạng nhì trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Anh Clà người đã mua xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt của ông C. Khi mua xe anh Chiến không biết chiếc xe này là do Th phạm tội mà có. Do đó, không đủ căn cứ để xem xét, xử lý trách nhiệm hình sự đối với Bàn Văn Chiến.

Anh A Nu là người đã giới thiệu Cđể cho bị cáo bán xe, nhưng A Nu không biết xe bị cáo bán là do phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý trách nhiệm đối với A Nu.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, Người bị hại không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

Đối với, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Cyêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền 3.000.000đ, là khoản tiền anh Chiến bỏ ra mua chiếc xe mà bị cáo đã chiếm đoạt của Ông C. Đây là yêu cầu chính đáng, phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô bị cáo chiếm đoạt trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ.L đã trả lại cho người bị hại. Ông C đã nhận lại xe, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án và phải hoàn trả tiền cho anh Cnên phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của

pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ Điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố: Bị cáo Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Th 30 (Ba mươi) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án số 14/2019/HSST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ.T xử phạt bị cáo 10 (Mười) tháng tù, theo quyết định thi hành án phạt tù số:24/2019/QĐ-CA, ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ.T. Như vậy bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 40(Bốn mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 15/8/2019.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Buộc bị cáo Th phải hoàn trả cho anh Csố tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Áp dụng Điều 357, Điều 468 BLDS khi bản án có hiệu lực pháp luật Anh Ccó đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

* **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 6, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Th phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng số tiền án phí bị cáo phải nộp là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS bị cáo, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/01/2020). Người bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền hoãn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- Người bị hại;
- Người CQLNVLQ
- VKSND huyện ĐL
- VKS ND tỉnh Kon Tum
- TAND tỉnh Kon Tum
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng
- Sơ tư pháp tỉnh Kon Tum
- CA huyện ĐL;
- Chi cục THA dân sự huyện ĐL

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đình Tài

